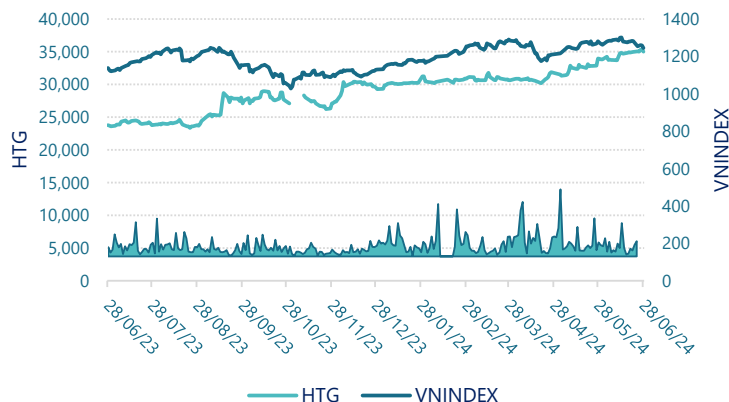




Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ (HSX: HTG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ) **35,000**

Cao nhất 52 tuần (VNĐ)

Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)

SL cổ phiếu LH 36,002,708

KLGD BQ 20 phiên (CP) 33,270

% sở hữu nước ngoài 0.0%

Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)

Vốn hóa (tỷ VNĐ) 1,260

P/E 6.1

EPS 5,723

DT thuần

Q2/24

1,094

tỷ VNĐ

QoQ: ▼85.0 | -7.2%

YoY: ▲54.0 | 5.2%

LN sau thuế

Q2/24

69.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲24.5 | 54.9%

YoY: ▲35.2 | 104%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

8.9%

+/- YoY: ▲3.8%

DT thuần

6T 2024

2,273

tỷ VNĐ

YoY: ▼37.0 | -1.6%

LN sau thuế

6T 2024

114

tỷ VNĐ

YoY: ▲32.4 | 39.4%

ROE

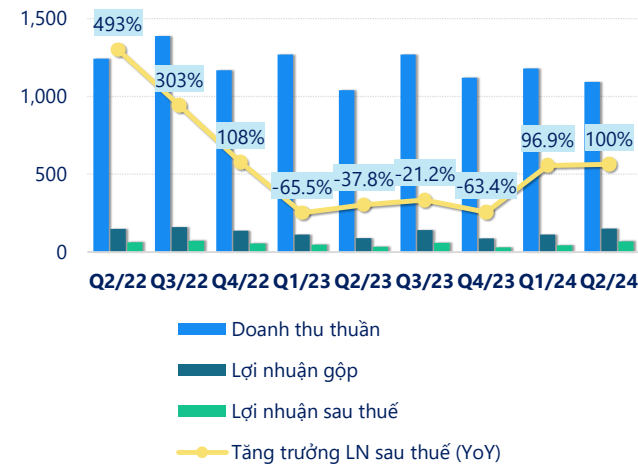
Q2/24

24.5%

+/- YoY: ▼2.4%

tỷ VNĐ

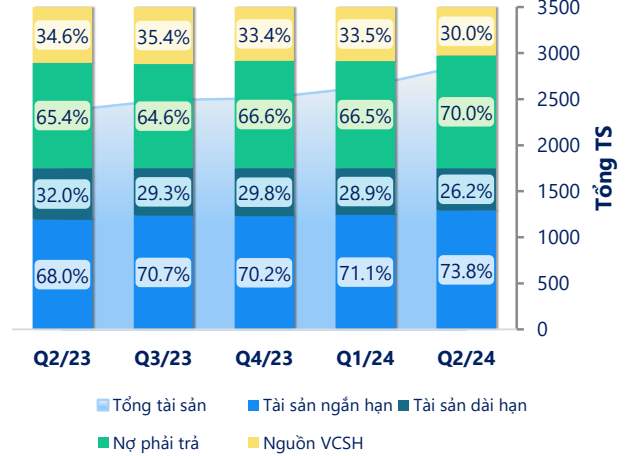
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

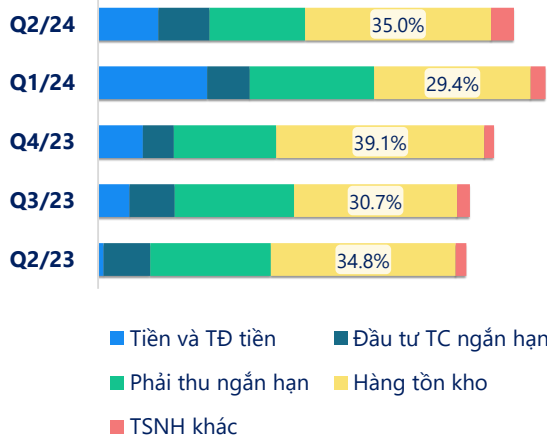
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



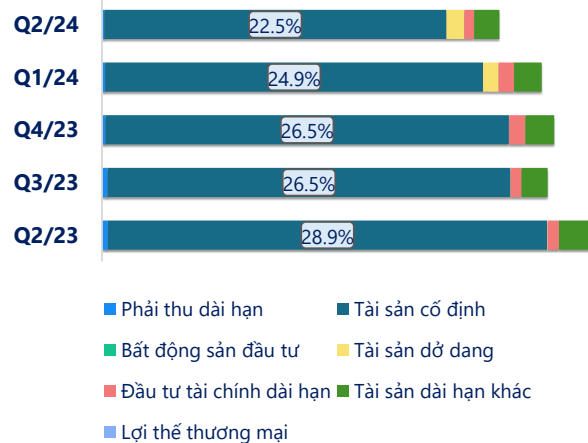
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

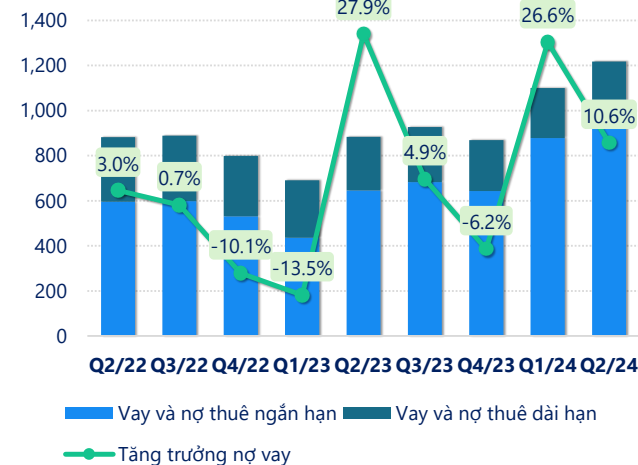
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

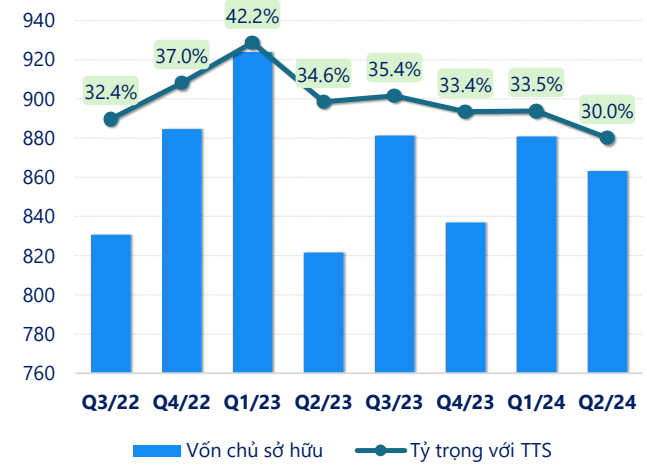
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

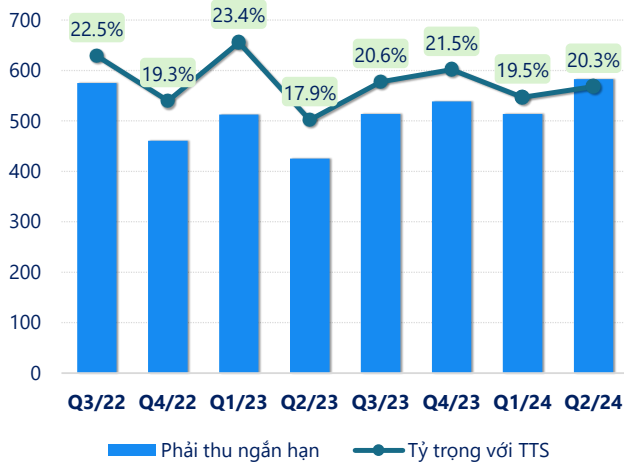
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

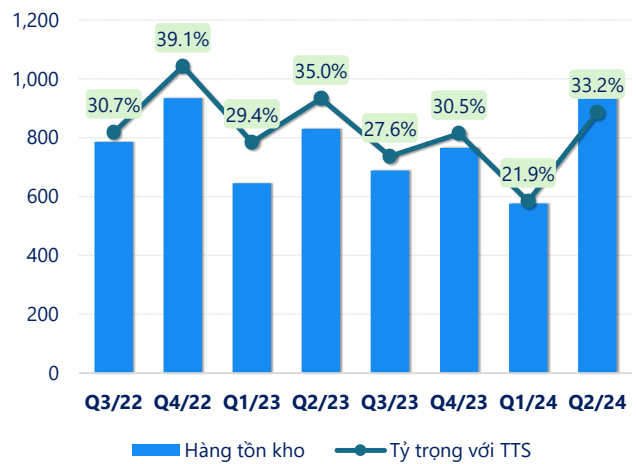
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

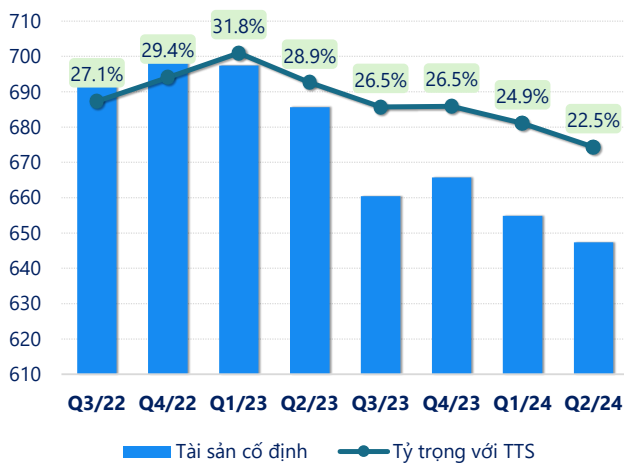
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

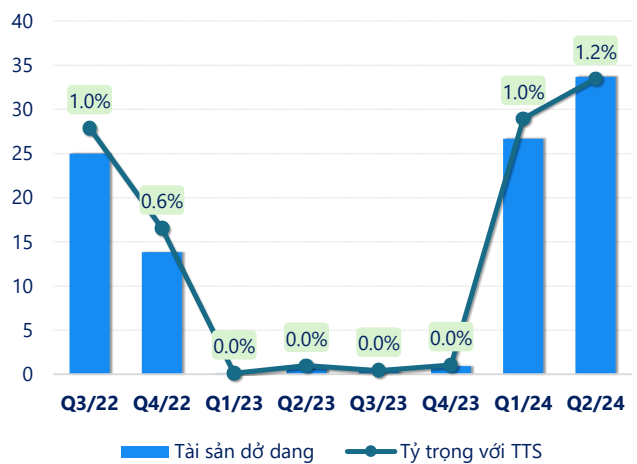
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

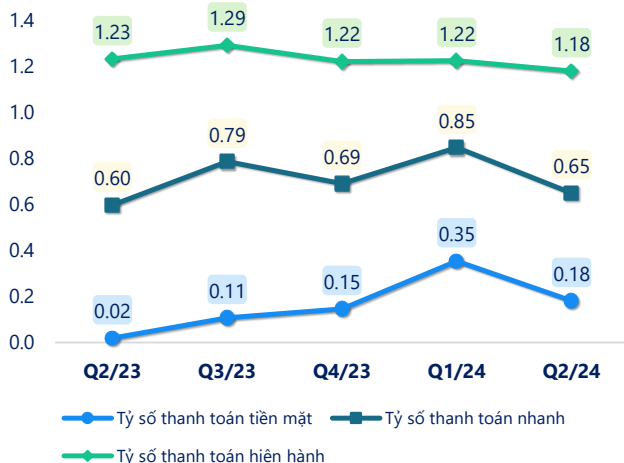
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



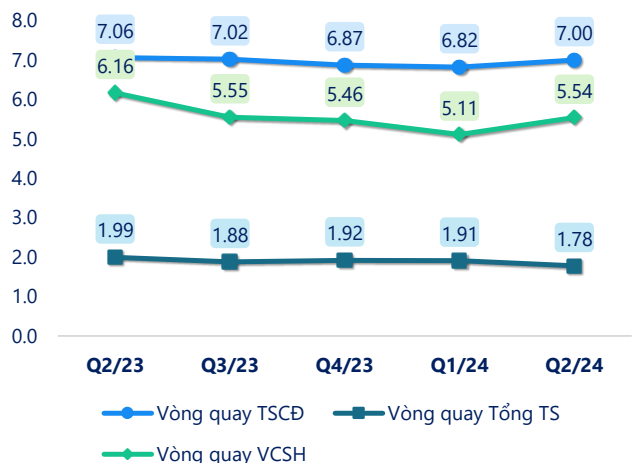
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	2,371	2,491	2,508	2,631	2,874
Tài sản ngắn hạn	1,611	1,760	1,761	1,870	2,123
Tiền và tương đương tiền	25.0	146	211	540	326
Đầu tư tài chính ngắn hạn	229	279	177	176	205
Phải thu ngắn hạn	425	514	539	514	583
Hàng tồn kho	830	689	766	576	955
Tài sản ngắn hạn khác	102	132	68.9	64.0	53.4
Tài sản dài hạn	760	731	746	761	752
Phải thu dài hạn	9.23	9.24	5.85	5.40	4.24
Tài sản cố định	686	660	666	655	647
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.81	0.37	0.92	26.7	33.7
Đầu tư tài chính dài hạn	17.5	17.8	26.1	26.5	18.7
Tài sản dài hạn khác	46.5	43.2	47.9	48.0	47.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,550	1,610	1,671	1,751	2,011
Nợ ngắn hạn	1,308	1,363	1,441	1,527	1,799
Vay và nợ thuê ngắn hạn	645	682	643	878	1,006
Phải trả người bán ngắn hạn	203	177	232	212	335
Nợ dài hạn	242	247	229	224	212
Vay và nợ thuê dài hạn	238	244	226	222	211
Nguồn vốn chủ sở hữu	822	881	837	881	863
Vốn chủ sở hữu	822	881	837	881	863
Vốn điều lệ	360	360	360	360	360
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)